

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1Cán bộ coi thi 2G.Viên chấm thi 1G.Viên chấm thi 2

Nguyễn V. Chinh

Nguyễn T. Hiền

Nguyễn P. Vĩnh

Nguyễn T. Hiền

Nguyễn T. Hiền

Nguyễn T. Hiền

Môn học: Soạn thảo văn bản (22603501)

Ngày thi: 08/05/2025Số SV có mặt: 3.3

Giờ thi: 12g30Số bài thi: 3.3

Phòng thi: A304Số tờ giấy thi: 3.3

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050007	Vũ Văn	Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A	1	Mạnh	9.8	6.3	7.7	
2	2123050069	Bùi Đại	Nghĩa	12/08/1998	CCQ2305B		A	0.0			
3	2122180013	Nguyễn Văn	Nghĩa	27/05/2004	CCQ2218A			0.0			
4	2123050053	Đình Quang	Nghiệp	23/08/2005	CCQ2305B	1	Nghiệp	8.3	6.8	7.4	
5	2123050070	Phạm Trọng	Nhân	15/07/2005	CCQ2305B	1	Nhân	8.9	8.0	8.4	
6	2123050194	Hán Ngọc	Phiếu	17/03/2005	CCQ2305B	1	Phiếu	8.9	8.8	8.8	
7	2123050051	Bùi Hải	Phong	10/02/2005	CCQ2305B	1	Phong	9.3	5.0	6.7	
8	2123050063	Cao Xuân	Phong	24/10/2005	CCQ2305B	1	Phong	7.8	5.0	6.1	
9	2123050213	Trần Huy	Phú	02/02/2003	CCQ2305A			0.0			
10	2122110268	Nguyễn Hoàng	Phúc	15/02/2004	CCQ2211G	1	Phúc	7.4	5.8	6.4	
11	2123050091	Trần Anh	Quân	26/12/2005	CCQ2305B	1	Quân	9.9	6.0	7.6	
12	2123050032	Phạm Minh	Quý	03/03/2004	CCQ2305A	1	Quý	10.0	9.3	9.6	
13	2123050067	Nguyễn Đoàn Trường	Son	28/10/2005	CCQ2305B	1	Son	8.7	6.5	7.4	
14	2122110191	Nguyễn Trần Đức	Tài	02/07/2004	CCQ2211E	1	Tài	9.5	9.3	9.4	
15	2123050055	Trần Thanh	Tâm	30/10/2005	CCQ2305B			0.0			
16	2123050045	Hồ Thanh	Tấn	10/08/2005	CCQ2305A	1	Tấn	5.5	2.8	3.9	
17	2122050107	Lê Thanh	Thái	24/07/2002	CCQ2205D	1	Thái	8.2	6.8	7.4	
18	2122110019	Phạm Đức	Thắng	17/11/2004	CCQ2211A	1	Thắng	10.0	8.5	9.1	
19	2123050233	Nguyễn Tấn	Thành	04/07/2005	CCQ2305A	1	Thành	5.5	5.0	5.2	
20	2123050075	Nguyễn Hoài	Thịnh	08/05/2005	CCQ2305B	1	Thịnh	8.6	7.5	7.9	
21	2123050068	Nguyễn Trung	Thoại	07/01/2005	CCQ2305B	1	Thoại	8.0	9.0	8.6	
22	2123050059	Cao Thiên	Thông	10/04/2005	CCQ2305B	1	Thông	9.6	7.3	8.2	
23	2122270127	Vì Thị Phương	Thùy	14/05/2003	CCQ2227D			0.0			
24	2123050047	Nguyễn	Toàn	21/04/2005	CCQ2305A	1	Toàn	9.4	8.5	8.9	
25	2123050056	Nguyễn Công	Trí	28/06/2005	CCQ2305B	1	Trí	9.8	4.8	6.8	
26	2123050042	Nguyễn Văn	Trí	24/08/2005	CCQ2305A	1	Trí	8.6	5.5	6.7	
27	2122180055	Nguyễn Tấn	Trung	16/07/2004	CCQ2218B	1	Trung	8.9	6.3	7.3	
28	2123050030	Trần Hưng	Trung	23/07/2005	CCQ2305A	1	Trần	9.2	6.3	7.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Soạn thảo văn bản (22603501)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A304

Số SV có mặt:...3.3

Số bài thi:3.3

Số tờ giấy thi:....3.3

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050029	Kiều Đan	Trường	18/06/2005	CCQ2305A	1		7.6	5.0	6.0	
30	2123050005	Nguyễn Huy	Tú	31/08/2005	CCQ2305A	1		9.2	6.0	7.3	
31	2123050066	Lê Anh	Tuấn	22/08/2005	CCQ2305B	1		9.0	7.3	8.0	
-32	2122110225	Trương Minh	Tuấn	09/07/2004	CCQ2211F			8.3			
33	2123170164	Lê Minh	Tường	10/07/2005	CCQ2317E			0.0			
34	2123050081	Tô Quốc	Tuyển	13/09/2005	CCQ2305B	1		7.2	6.5	6.8	
35	2123050071	Nguyễn Anh	Văn	29/04/2005	CCQ2305B	1		5.1	6.3	5.8	
36	2122110098	Võ Đại	Vĩ	18/04/2004	CCQ2211C	1		7.8	3.5	5.2	
37	2122050123	Nguyễn Văn	Vin	01/04/2003	CCQ2205D	1		8.8	6.5	7.4	
38	2123050027	Nguyễn Triệu	Vỹ	28/11/2005	CCQ2305A	1		8.1	6.5	7.1	
39	2122200035	Trần Thanh	Xuân	21/08/2003	CCQ2220B	1		9.1	9.5	9.3	
40	2123050049	Nguyễn Công	Ý	14/07/2005	CCQ2305B	1		8.7	6.5	7.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Soạn thảo văn bản (22603501)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A302

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122110115	Thái Trường	An	23/06/2004	CCQ2211C	1	An	8.6	5.4	6.7	
2	2123050046	Nguyễn Văn	Bắc	15/02/2005	CCQ2305A	1	Bac	9.8	9.0	9.3	
3	2123050061	Huỳnh Dương	Bình	08/04/2004	CCQ2305B	1	Binh	5.8	4.0	4.7	
4	2123050060	Lê Văn	Cang	19/08/2005	CCQ2305B	1	Cang	9.2	6.6	7.6	
5	2122110399	Lê Thị Linh	Chi	30/08/2004	CCQ2211K	1	Chi	10.0	7.8	8.7	
6	2123050044	Lê Thế	Chung	07/08/2005	CCQ2305A			0.0			
7	2122110167	Hoàng Trương Mạnh	Cường	17/07/2004	CCQ2211E	1	Cuong	7.8	8.0	7.9	
8	2123050188	Châu Du	Dân	18/05/2005	CCQ2305A	1	Du	4.6	6.0	5.4	
9	2123050054	Nguyễn Lộc Ngọc	Đăng	24/07/2005	CCQ2305B	1	Ngoc	5.7	5.8	5.8	
10	2123050084	Lê Văn	Danh	10/11/1997	CCQ2305B	1	Danh	7.6	6.5	6.9	
11	2123050072	Vô Quang	Đạt	01/11/2005	CCQ2305B	1	Dat	8.7	4.3	6.4	
12	2122180057	Vô Trương	Đông	01/01/2004	CCQ2218B	1	Don	10.0	9.0	9.4	
13	2122180116	Trần Đức	Dũng	09/09/2003	CCQ2218D	1	Dung	9.1	8.0	8.4	
14	2123050036	Nguyễn Quốc	Duy	11/02/2005	CCQ2305A	1	Duy	8.9	7.5	8.1	
15	2122180052	Trần Văn	Giang	08/03/2004	CCQ2218B	1	Giang	10.0	8.5	9.1	
16	2123050019	Nguy Thành	Giăng	01/05/2005	CCQ2305A	1	Thanh	9.4	6.5	7.7	
17	2123050058	Bùi Minh	Hải	07/10/2005	CCQ2305B	1	Hai	8.9	6.3	7.3	
18	2123050212	Phạm Trần Gia	Hào	09/08/2002	CCQ2305A			0.0			
19	2123110113	Triệu Trung	Hiếu	04/05/2005	CCQ2305A	1	Hieu	7.3	7.0	7.1	
20	2123050082	Phan Hữu	Hội	21/09/2005	CCQ2305B	1	Hoi	8.6	8.0	8.2	
21	2123050010	Nguyễn Thế	Hùng	24/04/2004	CCQ2305A			0.0			
22	2123050057	Trần Phúc	Hung	18/08/2005	CCQ2305B	1	Hung	8.9	7.0	7.8	
23	2123170156	Võ Văn	Hung	15/09/2005	CCQ2317E	1	Hung	6.5	5.5	5.9	
24	2123050011	Huỳnh Tường	Huy	11/10/2005	CCQ2305A	1	Huy	9.8	6.0	7.5	
25	2123050074	Nguyễn Văn	Kha	13/07/2004	CCQ2305B	1	Kha	8.0	7.4	7.6	
26	2122210171	Nguyễn Minh	Khang	28/09/2004	CCQ2221A	1	Khang	8.5	9.0	8.8	
27	2123050178	Trần Duy	Khang	20/08/2004	CCQ2305A	1	Khang	7.5	8.0	4.2	
28	2123050077	Đỗ Minh	Khoa	15/01/2005	CCQ2305B	1	Khoa	9.4	6.5	7.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Soạn thảo văn bản (22603501)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A302

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050083	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	30/08/2005	CCQ2305B	1		3.7			
30	2122180062	Nguyễn Hữu	Kiên	09/11/2003	CCQ2218B	1		9.1	8.3	8.6	
31	2123050015	Đỗ Tuấn	Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A	1		9.8	7.3	8.3	
32	2122110240	Phạm Văn	Kiệt	20/05/2004	CCQ2211F	1		10.0	9.0	9.4	
33	2122110371	Nguyễn Nam Trung	Kỳ	27/08/2004	CCQ2211J	1		10.0	9.0	9.4	
34	2123050089	Huỳnh Văn	Lắm	10/10/2005	CCQ2305B	1		8.9	5.3	6.7	
35	2123050073	Lâm Gia	Long	20/04/2005	CCQ2305B	1		9.3	8.5	8.8	
36	2123050052	Nguyễn Thành	Luân	05/09/2005	CCQ2305B	1		7.3	6.0	6.5	
37	2123050078	Bùi Đình	Luật	29/10/2002	CCQ2305B	1		6.2	7.0	6.7	
38	2123050020	Đạt Ngọc	Lý	15/05/2005	CCQ2305A	1		9.0	6.8	7.7	
39	2122110014	Trần Ngọc	Mạnh	05/03/1997	CCQ2211A	1		7.4	4.0	5.4	